

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/DS-ST  
Ngày: 17 - 9 - 2021  
*V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Xuân Diệu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Lưu Hồng Hiếu.

2. Bà Đặng Thị Tâm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lương Quốc Chương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Bùi Công Đ, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Đỗ Mạnh T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (văn bản ủy quyền ngày 07/12/2020) - Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Tài N, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Anh Đỗ Mạnh T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (văn bản ủy quyền ngày 08/7/2021) – Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bùi Công Đ và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 27/01/2020, ông Bùi Công Đ và bà Nguyễn Thị T có cho ông Nguyễn Tài N vay số tiền 40.800.000 đồng, thời hạn trả tiền vay vào ngày 30/02/2020. Ông N có ký dưới mục Người mượn tiền trong Giấy mượn tiền. Tuy nhiên, đến nay mặc dù đã quá thời hạn trả nợ đã lâu nhưng ông N vẫn chưa trả tiền vay cho ông Đ, bà T.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Tài N phải trả cho ông Đ, bà T số tiền gốc 40.800.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/3/2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

*Bị đơn ông Nguyễn Tài N trình bày:*

Khoảng cuối năm 2019 ông N có vay tiền của ông Bùi Công Đ và bà Nguyễn Thị T 03 lần, nhưng không nhớ ngày tháng cụ thể. Lần 1 vay 5.000.000 đồng, lần 2 vay 5.000.000 đồng và lần 3 vay 8.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 3 lần vay là 18.000.000 đồng, lãi suất là 50.000 đồng/01 ngày/1.000.000 đồng. Ông N đã trả tiền lãi đến cuối năm 2019 thì không trả được nữa, nên ngày 27/01/2020 ông Đ viết giấy mượn tiền với nội dung ông N vay của ông Đ, bà T số tiền 40.800.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 30/02/2020, giấy mượn tiền không thể hiện lãi suất. Ông N đã đọc và ký giấy mượn tiền. Vì số tiền 40.800.000 đồng là bao gồm cả tiền lãi nhập vào tiền vay gốc 18.000.000 đồng trên, nên ông N chỉ chấp nhận trả cho ông Đ, bà T số tiền 18.000.000 đồng tiền vay gốc, không đồng ý trả tiền lãi.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà T thống nhất với lời trình bày của ông Bùi Công Đ và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn nêu trên và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N phải trả cho vợ chồng bà số tiền gốc 40.800.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/3/2020 đến thời điểm xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Công Đ và bà Nguyễn Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Tài N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

*Về việc tuân theo pháp luật:* Từ khi được phân công giải quyết vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông Nguyễn Tài N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

*Về quan điểm giải quyết:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Công Đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Công Đ và bà Nguyễn Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Tài N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Công Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Tài N phải trả cho ông Đ, bà T tiền vay gốc là 40.800.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/3/2020 đến thời điểm xét xử vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn là ông Nguyễn Tài N có nơi cư trú tại thôn 8, xã Đ, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Công Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Tài N phải trả cho ông Đ, bà T tiền vay gốc là 40.800.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/3/2020 đến thời điểm xét xử vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy vay tiền ngày 27/01/2020 thể hiện ông Bùi Công Đ và bà Nguyễn Thị T có cho ông Nguyễn Tài N vay số tiền 40.800.000 đồng, thời hạn trả tiền vay vào ngày 30/02/2020, không thể hiện lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Tài N cho rằng ông N chỉ vay của ông Đ, T tổng số tiền là 18.000.000 đồng. Số tiền 40.800.000 đồng trong Giấy vay tiền ngày 27/01/2020 là bao gồm cả tiền lãi nhập vào tiền vay gốc 18.000.000 đồng, nhưng ông N không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, mặt khác ông Đ và bà T không thừa nhận, do đó ông N phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ tiền vay trên nhưng ông N vẫn chưa trả cho ông Đ, bà T.

Hợp đồng vay tiền giữa ông Đ, bà T với ông N (Giấy vay tiền) thuộc trường hợp hợp đồng vay có kỳ hạn và không lãi theo quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, việc ông Đ yêu cầu tính lãi chậm trả của số tiền vay 40.800.000 đồng tính từ ngày 01/3/2020 đến thời điểm xét xử vụ án với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng, 0,028%/ngày). Vì vậy, tiền lãi của số tiền nợ vay tính từ ngày 01/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/9/2021) là 18 tháng 16 ngày, cụ thể như sau:  $(40.800.000 \text{ đồng} \times 18 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng}) + (40.800.000 \text{ đồng} \times 16 \text{ ngày} \times 0,028\%/\text{ngày}) = 6.278.000 \text{ đồng}$ .

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Công Đ là có căn cứ, cần chấp nhận, buộc ông Nguyễn Tài N phải trả cho ông Bùi Công Đ, bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là 47.078.000 đồng, trong đó: Tiền gốc là 40.800.000 đồng và tiền lãi là 6.278.000 đồng.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Tài N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 47.078.000 đồng  $\times 5\% = 2.354.000 \text{ đồng}$  theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng

dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông Bùi Công Đ được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Công Đ đối với ông Nguyễn Tài N.

Buộc ông Nguyễn Tài N phải trả cho ông Bùi Công Đ, bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là 47.078.000đ (bốn mươi bảy triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng), trong đó: Tiền gốc là 40.800.000 đồng và tiền lãi là 6.278.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Bùi Công Đ, bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án mà ông Nguyễn Tài N không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Tài N phải chịu số tiền 2.354.000đ (hai triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Bùi Công Đ số tiền 1.098.000đ (một triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông Đỗ Mạnh T đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002461 ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký, đóng dấu**

**Lê Xuân Diệu**